

TRẦN THỦ ĐỘ - NHÀ CHÍNH TRỊ TÍCH CỰC ĐỔI MỚI NHẤT TRONG TRIỀU TRẦN - NHÀ THỰC HÀNH HƠN LÀ LÝ THUYẾT

GS. Văn Tạo

Ngày nay chúng ta tiến hành đổi mới. Ông cha ta cũng từng đổi mới, chấn hưng, canh tân, cải tạo. Chung quy là đều nhằm thúc đẩy xã hội tiến lên. Và xã hội cũng chỉ tiến nhanh, mạnh nhờ những bước như vậy và cao nhất là cách mạng.

Nếu không thì xã hội vẫn trì trệ, ngàn năm sau vẫn như cũ, như Các Mác nói về các công xã ở Ấn Độ, nó không có lịch sử vì ngàn năm vẫn là như thế. Lịch sử xã hội có nội dung phát triển, tiến bộ nếu không thì thực tế, xã hội đó sẽ tiêu vong.

Lịch sử xã hội Việt nam ta, ngoài những bước phát triển quan trọng sau các chiến thắng ngoại xâm, nhất là khi chuyển xã hội từ nô lệ sang độc lập tự do, thì khởi phải nói, đó là cách mạng toàn bộ. Còn những bước phát triển lớn lao khác của xã hội lại thường thông qua đổi mới, cải cách.

Nhìn vào Trần Thủ Độ và với sự nghiệp đầu triều Trần mà Trần Thủ Độ nắm thực quyền, bước tiến nhanh và vững lúc đó chính là nhờ có cuộc đổi mới mạnh bạo mà Trần Thủ Độ là linh hồn.

Trần Thủ Độ nắm thực quyền và là linh hồn, bởi vì ngay cả việc Trần Cảnh chiếm được ngôi vua từ nhà Lý cũng là nhờ sự đạo diễn của ông và vợ là Linh từ Quốc Mẫu. Việc sắp đặt ngôi thứ trong triều đình cũng trong Hoàng tộc cũng chính là ở bàn tay ông. Thậm chí khi bị ép lấy chị dâu, Trần Thái Tông phải trốn lên Yên Tử để phản đối, ông cũng khôn khéo buộc phải về Kinh. Thế thì còn nói đến việc gì của Triều đình mà lại không qua sự chỉ huy trực tiếp hay gián tiếp của Trần Thủ Độ. Điều này lịch sử cũng đã thừa nhận, như sử cũ còn chép: *"Thủ Độ tuy làm tể tướng, nhưng mọi việc không việc gì là không để ý"*.

Vì vậy, nói đổi mới tiến bộ ở suốt mấy triều đại vua Trần mà Trần Thủ Độ nắm thực quyền đều có thể xét như có công lao cũng như tội lỗi (nếu có) của Trần Thủ Độ.

Tôi đánh giá cao cuộc đổi mới này bằng những hành động và kết quả thực tiễn mà nó đem lại.

Đồng thời cũng là xuất phát từ một luận thuyết về mối quan hệ giữa giữ nước với dựng nước mà tôi thường phát biểu: "Ở Việt Nam ta muốn đánh giá đúng một nhân vật lịch sử phải căn cứ vào hai tiêu chuẩn cơ bản là dựng nước và giữ nước."

"Có dựng được nước mạnh mới giữ được nước bền", (một điều mà Trần Hưng Đạo đã từng nói với Trần Anh Tông: *Lúc thường thì khoan sức cho dân làm kế sâu rễ bền gốc.*

Suy nghĩ đó khi xem xét Trần Thủ Độ, tôi khẳng định: Sở dĩ khi giặc Nguyên đến, vua hỏi Trần Thủ Độ là nên hàng hay nên đánh (bởi vì trước đó đã hỏi Trần Nhật Hiệu, Nhật Hiệu trả lời bằng hai chữ viết lên mạn thuyền: "Nhập Tống", Trần Thủ Độ không do dự trả lời: "Đầu thần chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo". Chính là vì triều Trần từ khi nắm ngôi vua, dưới sự chỉ đạo của Trần Thủ Độ đã dựng được nước vững vàng. Đó không phải là chủ quan, duy ý chí, không phải chỉ bằng chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chung chung, mà chính là đã biến chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc thành những thành quả xây dựng đất nước cụ thể.

Vậy thì các thành quả đó có liên quan gì đến sự chỉ đạo của Trần Thủ Độ.

Tôi không phải là nhà cổ sử, không am hiểu nhiều tư liệu lịch sử, diễn biến lịch sử, nên sử dụng tư liệu và so sánh lịch sử có thể có sai lầm, nhưng cũng xin mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình:

I/ Đó là đổi mới kinh tế.

Tư liệu, sự kiện lịch sử không nhiều nhưng cũng giúp cho ta thấy một phần nào thành quả trong lĩnh vực này.

Trước hết là cho phép chuyển công hữu thành tư hữu. Xin miễn phải nói rằng ngày nay sau hàng nghìn năm nhân loại trải qua tư hữu thì chế độ công hữu hóa tư liệu sản xuất mới dường như là cái mới. Còn lúc đó, thời Trần thế kỷ 13, thì tư hữu lại đang là cái mới. Từ

Lý tư hữu đã xuất hiện và ngày càng phát triển nhưng dường như tự phát. Còn đến triều Trần sử cũ ghi là luật pháp đã cho phép: "Tháng 6, bán ruộng công mỗi diện là 5 quan tiền (bấy giờ gọi mẫu là diện) cho phép nhân dân mua làm ruộng tư".

Hiện tượng mới đó là một điều quan trọng bậc nhất của đổi mới. Bởi vì lúc bấy giờ muốn giải thể nhanh chế độ công xã nguyên thủy chuyển sang công xã nông thôn có tư hữu, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế hàng hóa, tiền tệ mà không có lệnh nhà nước ban hành cho phát triển tư hữu thì xã hội sẽ trì trệ đến mức nào?

Ngoài quyết định cơ bản ấy còn hàng loạt biện pháp xây dựng kinh tế khác: nào là chống lụt úng bằng đắp đê ngăn lũ và ngăn mặn, khai kênh tiêu nước và làm thuận lợi cho giao thông. Như sử cũ còn ghi: "Tháng 3, lệnh các lộ đắp đê phòng lụt, gọi là đê quai vạc, từ đầu nguồn đến bờ biển để ngăn lũ tràn ngập. Đặt chức hà đê chánh phó sứ để quản đốc." Lại cống bằng hơn nữa và chính là để tôn trọng quyền tư hữu mà biện pháp: "Chỗ đắp đê thì do xét mất bao nhiêu ruộng đất của dân, theo giá trả lại tiền. Đắp đê quai vạc là bắt đầu từ đó". Tôi nhấn mạnh chữ bắt đầu từ đó, bởi trước cũng có đê nhưng đê quai vạc có kỹ thuật và công nghệ trị thủy mới thì đến cái cách này mới bắt đầu.

Cũng vậy: "mùa hạ tháng Tư, chọn tân quan làm hà đê chánh phó sứ các lộ. Khi việc làm ruộng nhân rồi thì đốc thúc quân lính đắp đê, đào mương ngòi để phòng lụt, hạn" coi nhiệm vụ kinh tế như nhiệm vụ quốc phòng.

Rồi đào kênh như: "Năm kiến Trung thứ 7 (1231) mùa xuân tháng giêng, sai nội mệnh tự Nguyễn Bang Cốc (hoạn quan) chỉ huy binh hữu đường phủ...đào vét kênh Trầm và kênh Hà từ phủ Thanh Hóa đến địa giới phía nam Diễn Châu. Việc xong, thăng Bang Cốc làm phụ quốc thượng hầu" (10).

Tất nhiên từ Lê Hoàn, kênh nhà Lê đã được khai theo hướng này, nay chỉ là đào vét". Tuy vậy Triều đình lại rất coi trọng, biểu lộ ở việc thưởng công rất lớn cho người thực hiện.

Trong nông nghiệp không chỉ phát triển trồng cây ăn quả và phòng hộ cây lương thực mà còn quan tâm đến cả việc trồng cây như sử cũ ghi: "tháng 5, trồng 500 trượng toàn cây muôm (suối từ bến sông Hồng đến đê quai vạc cầu thần" (24).

Trong lĩnh vực công thương và tiền tệ sử cũ ghi lại được không nhiều, nhưng thoáng qua cũng thấy cái đổi mới.

Những việc xây dựng điện đài, cung thất, trang bị "xe kiệu, mũ áo" cùng những tặng phẩm, đi dõ với nhu cầu chế tạo quân giới, quân nhu: "xướng chiếu cho các quan chế tạo vũ khí, chiến thuyền"... đều là biểu hiện sự phát triển thủ công mỹ nghệ.

Đặc biệt việc sử dụng tiền tệ phát triển hơn trước. Ngay từ thời Thái Tông Trần Cảnh đã: "Xướng chiếu cho dân gian dùng tiền "Tĩnh bạch" mỗi tiền là 69 đồng (tiền nộp cho nhà nước là tiền "thượng cung" thì mỗi tiền là 70 đồng)". Trong ban cấp lương bổng đã thay thế một

phần lương hiện vật bằng tiền: "Nam Bính Thân (1236). Mùa xuân tháng giêng, định lệ cấp lương bổng cho các quan văn võ trong triều, và các quan ở cung điện, lăng miếu, *chia tiền thuế* ban cấp theo nhu bậc" (12).

Đã thay phần thuế đánh theo hiện vật bằng *thuế tiền*. Đặc biệt là chưa đánh thuế đinh nổi chung, mà chỉ đánh thuế đinh theo sở hữu ruộng đất: "Nhân đinh có ruộng đất thì nộp tiền thóc, người không có ruộng đất thì miễn cả. Có một, hai mẫu ruộng thì nộp một quan tiền, có ba, bốn mẫu thì nộp 2 quan tiền. Có năm mẫu trở lên thì nộp ba quan tiền (Riêng tô thì vẫn thu bằng thóc).

Việc cho bán ruộng công lấy tiền, cấp lương bổng bằng tiền, thu thuế bằng tiền... khách quan đã biểu hiện phần nào kinh tế hàng hóa, tiền tệ phát triển đi đôi với việc phát triển tư hữu.

Cải cách kinh tế còn được phản ánh trong cải cách khác như trong tư pháp thì: "Tháng 9, xuống chiếu cho các ty xét án được lấy *tiền bình bạc*. Hay trong quản lý xã hội phải "duyet định số đinh" để đánh thuế và để điều động lao động xây dựng kinh tế, hoạch định ra 61 phường ở kinh thành để dễ bề quản lý việc giao thương v.v...

2/ Thứ hai là đổi mới trong văn hóa xã hội

Đổi mới kinh tế vừa có tính chất quan trọng đối với đổi mới văn hóa xã hội, vừa là được phản ánh trong cải cách văn hóa xã hội.

Trước hết Phật Giáo tuy vẫn là quốc giáo và triều Trần vẫn coi trọng, cụ thể; "Thượng Hoàng xuống chiếu

rằng trong nước bề chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ.... Nhưng do nhu cầu củng cố và phát triển xã hội trong một trật tự kỷ cương nhất định nên Phật giáo không đủ đáp ứng. Và Việt nam ở phương Đông lại kề sát Trung Quốc thì không gì có tác dụng hơn là Khổng giáo. Cho nên nếu từ nhà Lý sau khi lập Văn Miếu, Lý Thái Tông đã làm tượng Chu - Công, Khổng - Tử và 72 tiên hiền để thờ thì đến nay lại "Lập quốc học viện, đặt tượng Khổng - Tử, Chu - Công và Á thánh (Mạnh tử), vẽ tranh 72 người hiền để thờ". Theo sử cũ ghi, thời Lý mới lập Văn Miếu chưa thấy ghi lập Quốc học viện, đồng thời nay lại ghi thêm thờ Á thánh (Mạnh tử mà trước đây chưa thấy ghi. Phải chăng ở đây cũng có cái mới? Dầu thế nào thì ai cũng thấy tới nhà Trần Khổng giáo đã từng bước được đề cao (Mặc dầu Phật giáo vẫn là quốc giáo với thiền phái Trúc Lâm nổi tiếng trong Phật học ở Việt nam). Chính là do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở một thời đại mới.

Thế rồi phát triển khoa cử: "Xướng chiếu mời nho sĩ trong nước đến Quốc tử viện giảng tứ thư, lục kinh". Các khóa thi được coi trọng. Chỉ riêng khoa Đinh mùi (1247) đã: "Ban cho Nguyễn Hiền đồ trạng nguyên, Lê Văn Hưu đồ bảng nhãn, Đặng Ma La đồ Thám hoa, cho 48 người đồ thái học sinh". Khác các khóa Nhâm thìn (1232) và Kỷ hợi (1239) trước đây chưa chọn tam khôi, đến khoa này đã đặt ra chọn tam khôi là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.(19)

Cũng năm đó, sang mùa thu cũng tổ chức thi các khoa *thông tam giáo*. Việc thừa nhận "Tam giáo: Nho, Phật, Lão đồng nguyên" là một tiến bộ của xã hội ta lúc đó. Bởi vì ta biết là trong lịch sử nhân loại biết bao nơi kỳ thị tôn giáo xảy ra đưa đến những cuộc tàn sát kinh khủng, như giữa Do thái giáo, Gia tô giáo, Hồi giáo... với nhau, thì ở Việt nam, việc đồng thời thừa nhận việc phát triển của cả ba tôn giáo, thừa nhận sự hòa nhập (đồng nguyên) phần nào giữa ba tôn giáo đó phải kể là một tiến bộ của các triều đại từ Lý sang Trần, đặc biệt là tới Trần, khi Khổng giáo đã phát triển hơn trước. Khoa thông tam giáo đó lấy Ngô Tồn đồ giáp khoa, Đào Diễm, Hoàng Hoan và Vũ Vĩ Phủ đồ Ất khoa.

Đi đôi với việc tuyển chọn nhân tài là xây dựng các công trình văn hóa thành văn, bước đầu là các công trình có tính luật pháp: "*Chép công việc của Quốc Triều làm bộ Quốc triều thường lệ, 10 quyển*". Rồi sau "*Định các cách thức về luật hình*" chuẩn bị cho "Quốc triều hình luật" ra đời. Tuy bộ Đại việt sử ký của Lê Văn Hưu sau này mới ra đời, nhưng nhà sử học tương lai đã xuất hiện trong khoa thi 1249 với danh khoa Bảng nhãn cũng cần kể là có công lao đào tạo từ cuộc cải cách văn hóa xã hội thời kỳ này mang lại.

Còn trong xây dựng kiến trúc, trong trang trí cung đình, trong sửa sang triều y, phẩm phục, trong thể công mỹ nghệ, không thể không kể đến những sáng tạo nhất định về văn hóa, khoa học, công nghệ, mỹ thuật. Cũng

vậy việc hát xướng trong cung đình và vui chơi của dân chúng phải có những đòi hỏi mới về văn hóa nghệ thuật.

Tuy vậy đây không phải là trọng tâm của cuộc đổi mới này, mà theo tôi *trọng tâm là kinh tế* như trên đã nói, đi đôi với nó là *đổi mới bộ máy hành chính* mà tôi đánh giá cao.

3/ Đổi mới bộ máy hành chính.

Xét về bộ máy hành chính từ Khúc Hạo, Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành đến Lý, Trần, tuy qua nhiều đợt nhưng chưa đợt nào được mạnh mẽ và có hiệu lực hơn đợt này.

Cũng cần trở lại tiền đề của nó: Khi Khúc Hạo lên cầm quyền mới nhân danh Tiết Độ sứ nhưng đã mở đầu cho xu thế độc lập, tự chủ của ta, đã tổ chức cải cách hành chính, chia cả nước ra thành các lộ, phủ, châu, giáp, xã. Mỗi xã có một chánh lệnh trưởng, một tá lệnh trưởng. Một số xã ở gần nhau trước gọi là *hương* nay đổi thành *giáp*. Một giáp có một quân giáp và một phó tri giáp trông coi... Trải qua Ngô, Đinh, Lê, Lý đến nay, cách thức tổ chức như vậy gần như vẫn giữ nguyên. Cái mới lúc này là ở *cơ chế và nhân sự* trong quản lý. Triều Trần xây dựng nên một trật tự chặt chẽ trong ngạch quan lại, đưa cả người quản lý xã (tức cấp chính quyền thấp nhất) vào hàng xã quan (Ngày nay chúng ta vẫn còn bàn xem có nên công chức hóa bộ máy quản lý xã, thôn hay không).

Năm Nhâm dần (1242) nhà Trần lại "Chia nước làm 12 lộ đặt chức An phủ, Trấn phủ, có hai viên chánh, phó để cai trị. Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã. Từ lục phẩm trở xuống

là tiểu tư xã, có người làm kiêm 2,3,4 xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám gọi là xã quan" (16). Như vậy các xã quan ấy có chức tước và phẩm trật rõ ràng, hàm tới lục phẩm, ngũ phẩm...

Đến năm Giáp thìn (1244) vua lại "sai các văn thần chia nhau đi trị nhậm các phủ lộ trong nước gồm 12 nơi. Phủ có tri phủ. Lộ có thông phán. Châu có tào vận sử và phó sử...

Cái mới nữa là trước kia Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc bổ dụng quan lại, nay đã nhường chỗ cho Nho giáo như trên đã nói là: "Các văn thần chia nhau đi trị nhậm". Đồng thời quy định vị trí của tăng đạo trong ngạch quan lại riêng ra: "Bây giờ các vương hầu bổ quan tăng đạo thì gọi là tả nhai vì không để cho đứng vào hàng ngũ các quan lại trong triều. Tả nhai là phẩm cao nhất của tăng đạo. Không phải là người thông thạo tôn giáo của mình thì không được dự can".

Niên hạn để xét duyệt ngạch bậc và thăng tiến quan lại cũng được quy định rõ ràng chứ không tùy tiện: "Tháng 3, xét duyệt các quan văn võ. Cứ 15 năm một lần xét duyệt. 10 năm thăng tước một cấp. 15 năm thăng chức một bậc (nay ta thì ba, năm năm ~~đ~~ thăng cấp thăng chức). Chức quan nào khuyết thì chức chánh kiêm chức phó. Chánh phó đều khuyết thì lấy quan khác tạm giữ, đợi đủ hạn xét duyệt thì bổ chức ấy" Người làm quan giữ mãi một chức, người ở quán, các, 10 năm mới được xuất thân, người ở sảnh, cục 15 năm mới được xuất thân. Chức tể tướng thì chọn người hiền năng trong tôn thất, có đạo đức tài nghệ, thông hiểu thì thư cho làm"

Về thuộc lại (các viên chức hành chính) phải: "Thi lại viên bằng thể thức công văn gọi là bọ đầu. Người trúng tuyển mới được xung vào làm thuộc loại ở các sảnh viện". Đến đời Lê Thánh Tông lại chặt chẽ hơn, quy định: "Thi lại viên bằng viết chữ và làm tính. Người đỗ thì xung làm duyên lại nội lệnh sử" (30). Còn các quan lại thuộc viên về kỹ thuật, nghiệp vụ như Y, Dược thì: "Các ty thái y, thái chức phải khảo thi những người tinh thông nghề mình để bổ các chức" (Không như chúng ta vừa qua đưa người vào bộ máy hành chính và quản lý các ngành chuyên môn mà không được đào tạo, không có văn bằng gì hết).

Về pháp luật, pháp lý ngoài hình luật được xây dựng còn định ra những biện pháp để bổ xung cho pháp luật, để gìn giữ công lý như: "Xuống chiếu phán rằng các đơn từ, văn khế đều dùng phép in ngón tay vào nửa tờ giấy! Tiếp đến năm 1237 còn quy định cả người làm chứng cũng phải làm theo lối "điểm chỉ":

"Xuống chiếu rằng phạm làm giấy tờ về chúc thư, văn khế ruộng đất và vay mượn tiền bạc thì người làm chứng in tay ở 3 dòng trước, người bán in tay ở 4 dòng sau". Sáng tạo đó ở thời kỳ mà dân còn ít học, không viết nổi chữ ký, thực tế đã giúp cho pháp luật được nghiêm minh. Nhờ vậy mà Sử cũ đã đánh giá "Bấy giờ quốc gia vô sự, nhân dân yên vui"

Nhìn chung lại những cái cách kể trên đã góp phần tạo nên một đất nước giàu mạnh và thế đứng vững vàng của ta trước giặc ngoại xâm. Sau Trần Thủ Độ chỉ là phát triển hoặc bổ sung thêm cho những cái cách đó. Vì

vậy, chúng tôi cho rằng Trần Thủ Độ là nhà chính trị tích cực đổi mới nhất triều Trần. Ông thực hành hơn là lý thuyết. Bởi vì nhìn từ lịch sử thế giới, có nhiều nhà cải cách giỏi về lý thuyết, chỉ đưa lý thuyết của mình cho các "minh quân" tiến hành, như kiểu Vương An Thạch ở Trung Quốc, Phúc - Trạch - Dụ - cát (Fukuzawa) ở Nhật Bản, hay đề xướng cải cách như Nguyễn Trường Tộ ở Việt Nam vậy. Các vị này đều đưa ra lý thuyết, còn thực hành được hay không, tốt hay xấu phụ thuộc vào nhà Vua. Thí dụ như phép Thanh Miếu của Vương An Thạch đã đưa nhà Tống đến thất bại, thuyết Thoát Á nhập Âu của Phúc - Trạch - Dụ - cát giúp Minh Trị Thiên Hoàng tới thắng lợi. Còn Nguyễn Trường Tộ đề xướng ra lý thuyết, phương hướng thì đúng, nhưng người thực hiện không có, cũng là vô hiệu quả. Trần Thủ Độ không đề ra một lý thuyết nào, nhưng toàn bộ hành động thực tiễn của ông và các triều vua đầu nhà Trần chịu sự chỉ đạo của ông đều phản ánh một lý thuyết "làm cho dân giàu nước mạnh" với các đạo đức phẩm chất được biểu hiện trong lời thề của vua quan hàng năm ở đền Đồng Cổ là: "Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch (8) và ở bài minh mà vua tự viết ban cho các hoàng tử, dạy về : Trung, hiếu, hòa, tốn, ôn, lương, cung, hiem

Ông muốn đẩy mạnh việc thực hành để đổi mới và lấy thực hành để phản ánh lý thuyết của đổi mới. Cụ thể để thể hiện tính quyết đoán của ông - tính vô cùng cần thiết của đổi mới - thì: "có kẻ đàn hặc ông với nhà vua, khước và nói: "Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao?" Vua dẫn cả người đàn

hắc ấy đến gặp Thủ Độ. Thủ độ trả lời "Đúng như những lời hán nói" Rồi không trừng phạt mà lại lấy ngay tiền lụa để ban thưởng. Điều đó biểu hiện ông không sợ sự thật chỉ miễn là sự thật đó có ích quốc, lợi dân không?

Hoặc như để trọng kỷ cương, phép nước Thủ Độ đã thưởng cho người lính hiệu dám ngăn Linh từ quốc mẫu (vợ ông) khi đi qua thềm cấm, mà không phạt tội.

Ông nói: "Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp còn trách gì nữa"

Cũng vậy để ngăn cấm việc ý thế người làm bậy hoặc xin xỏ chức tước, Thủ Độ đã dự định hình phạt là chặt một ngón chân của một người nhờ công chúa mà xin cho được chức câu đương (chức dịch trong xã, giữ việc bắt bớ, giải tống). Việc tuy nhỏ như vậy nhưng có sự răn đe rất lớn.

Cả đến việc có ảnh hưởng đến danh dự, chức tước của ông và đến đoàn kết trong nội bộ hoàng gia, ông cũng vì sự nghiệp chung mà dám khẳng định rõ chức trách của mình: "Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ làm An quốc tế tướng. Thủ Độ tâu: "An quốc là anh thần, nếu cho là giới thì thần xin về trí sĩ. Nếu cho là thần hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm tế tướng cả thì việc triều đình sẽ ra làm sao? Vua bèn thôi.

Các sự kiện lịch sử trên cho thấy Thủ Độ là người quyết đoán, có tâm huyết với sự nghiệp dựng nước và giữ nước thời Trần, đạt được nhiều thành công (có nhiên không phải chỉ do riêng ông mà là do cả hoàng tộc nhà

Trần và những con người Việt Nam thời Trần) có cống hiến từ lúc nhập thế cuộc cho đến khi qua đời, khiến sử cũ phải ghi: "Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc mất"

Đánh giá cao những cống hiến của ông chúng ta không quên những mặt tiêu cực nhất định trong việc tu thân và xử thế của ông mà Hội thảo còn đang bàn luận.

Các chủ thích đều lấy tư liệu Đại Việt sử ký toàn thư Tập II, nhà XB KHXH, Hà Nội 1985. Các số trang đã được ghi liền ngay sau tư liệu trích.